

Số: 30/EIFMC/2026

V/v: Báo cáo hoạt động Quỹ ENF

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30/03/2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ (Năm 2025)

(Theo mẫu phụ lục XXV của Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)

Kính gửi: **Vụ Quản Lý Các Công Ty Quản Lý Quỹ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán**
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”)

I. Thông tin về quỹ:

- Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Quỹ” hoặc “ENF”)
Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư: ENF hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.
- Thời hạn hoạt động: thời gian hoạt động không xác định
- Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có
- Chính sách phân chia lợi nhuận:

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ, chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Quản lý Quỹ không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

- Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2025: 7.044.634,61 chứng chỉ quỹ.
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có):

Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo được đề cập trong Điều lệ đính kèm được Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2024 của Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam (ENF) thông qua ngày 25/04/2025. Nội dung chi tiết được công bố trên trang thông tin điện tử của Quỹ/ Công ty Quản lý Quỹ tại các đường dẫn :

https://www.eastspring.com/docs/librariesprovider21/literature-documents/enf-charter_signed.pdf và <https://www.eastspring.com/docs/librariesprovider21/news/funds/results-of-annual-general-meeting-of-financial-year-2024.zip>

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Đại hội nhà đầu tư năm tài chính 2024 được tổ chức ngày 25/04/2025 đã chấp thuận thông qua Nghị quyết Đại hội với những nội dung chi tiết như sau:

Điều 1: Thông qua báo cáo tình hình tài chính, tài sản và hoạt động của Quỹ cho năm 2024 đã được kiểm toán độc lập.

Điều 2: Thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

Điều 3: Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ENF trong năm tài chính 2025.

Điều 4: Phê duyệt thù lao năm 2025 cho thành viên Ban Đại diện Quỹ mỗi người là 07 triệu đồng/người/tháng và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ là 10 triệu đồng/người/tháng; phê duyệt chi phí hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ là 76 triệu/năm cho năm 2025.

Quỹ đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát (“NHGS”) về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“thông tư 98”): Xin xem chi tiết tại Mục IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ:

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mã chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
I	Tài sản	2200	-	-	-
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2201	52.932.631.215	30.177.034.748	43.828.036.410
	Tiền	2202	-	-	-
	Tiền gửi ngân hàng	2203	52.932.631.215	30.177.034.748	43.828.036.410
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)	2205	242.877.028.569	225.368.705.321	173.840.045.294
1	Cổ phiếu	2205.1	208.057.508.150	179.284.137.600	138.034.073.400

2	Trái phiếu	2205.3	-	11.856.405.577	-
3	Các loại chứng khoán khác	2205.4	-		
4	Đầu tư khác	2205.5	34.508.420.419	34.228.162.144	35.805.971.894
I.3	Thu từ cho thuê bất động sản đầu tư (áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)	2220	-	-	-
I.4	Cổ tức, trái tức được nhận	2206	-	183.729.262	-
I.5	Lãi được nhận	2207	552.349.447	511.992.661	917.408.283
I.6	Tiền bán bất động sản chờ thu (kê chi tiết - áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)	2221	-	-	
I.7	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)	2208	5.117.866.182	-	-
1	Tiền bán cổ phiếu chờ thu	2208.1	-	-	-
2	Tiền bán trái phiếu chờ thu	2208.2	-	-	-
I.8	Các khoản phải thu khác	2210	-	-	-
I.9	Các tài sản khác	2211	-	-	-
I.10	Tổng tài sản	2212	301.479.875.413	256.241.461.992	218.585.489.987
II	Nợ	2213	-	-	-
II.1	Tiền phải thanh toán mua bất động sản (kê chi tiết)	2222	-	-	-
II.2	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)	2214	5.693.463.968	-	3.837.287.311
1	Phải trả về mua cổ phiếu	2214.1	-	-	3.837.287.311
2	Phải trả về mua trái phiếu	2214.2	-	-	-
II.3	Các khoản phải trả khác	2215	978.384.676	870.793.140	595.037.571
II.4	Tổng nợ	2216	6.671.848.644	870.793.140.00	4.432.324.882
	Tài sản ròng của quỹ đầu tư (I.10-II.4)	2217	294.808.026.769	255.370.668.852	214.153.165.105
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	2218	7.044.635,61	6.866.508,16	6.786.354,47
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2219	41.849	37.191	31.556

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo:
43.471 đồng/CCQ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo:
33.416 đồng/CCQ

2. Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư trong kỳ báo cáo:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01	38.925.327.465	43.976.256.562
1.1. Cổ tức được chia	02	3.354.886.350	3.832.989.000
1.2. Tiền lãi được nhận	03	3.483.302.142	2.947.518.635
1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	04	29.191.833.266	22.877.482.912
1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	2.895.305.707	14.318.266.015

3. Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo:

Trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

4. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):

Kỳ báo cáo kết thúc ngày

31 tháng 12 năm

2025

2024

I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,50	1,50
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,17	0,17
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,17	0,19
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,07	0,09

5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,11	0,12
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	2,29	2,30

5. Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) / (2xGiá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ)	2270	104,21	72,56

6. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tính từ khi thành lập Quỹ 25/03/2014, NAV/đơn vị Quỹ đã tăng 318,49%, tương ứng với mức lợi nhuận ròng trung bình hàng năm 12,52%.

7. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Kỳ kế toán kết thúc ngày

31 tháng 12 năm

2025 2024

II Các chỉ tiêu khác

1 Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)

Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)	6.866.508,16	6.786.354,47
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)	68.665.081.600	67.863.544.700

2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)

Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)	294.794,36	163.502,88
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	2.947.943.600	1.635.028.800
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)	(116.667,91)	(83.349,19)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(1.166.679.100)	(833.491.900)

3 Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)

Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)	7.044.634,61	6.866.508,16
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	70.446.346.100	68.665.081.600
4 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	88,94	91,55
5 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	94,85	96,05
6 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	74,71	76,64
7 Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	321	275
8 NAV/CCQ cuối kỳ (VND)	41.849,00	37.191,00

Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý Quỹ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã tăng 15,44% so với Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tính từ khi thành lập Quỹ, NAV/đơn vị Quỹ đã tăng 318,49%, tương ứng với mức lợi nhuận ròng trung bình hàng năm 12,52%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ vẫn tập trung chủ yếu vào việc “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa tài sản mục tiêu phù hợp”. Một trong những chiến lược chọn lựa cổ phiếu đầu tư của Quỹ là hướng tới cổ phiếu của các công ty có mô hình kinh doanh bền vững, nền tảng tài chính tốt đi kèm chất lượng tài sản tốt và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận tốt trong trung và dài hạn. Trong năm 2025, tỷ trọng phân bổ đầu tư vào cổ phiếu duy trì ở mức trung bình khoảng 68,3%,

giảm so với mức trung bình khoảng 70% trong năm 2024 do Quỹ đã chủ động hạ tỷ trọng Cổ phiếu trong giai đoạn tháng 3 và tháng 4 giữa bối cảnh tổng thống Trump tuyên bố mức thuế đối ứng áp dụng cho Việt Nam là 46%, sau đó tỷ trọng Cổ phiếu được đẩy lên lại khi thị trường đã giảm quá sâu, và đặc biệt sau khi thuế đối ứng áp dụng cho Việt Nam được giảm về mức 20% thay vì 46% như ban đầu. Phần còn lại Quỹ đã phân bổ vào tiền gửi ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp nhằm tạo nguồn thu nhập ổn định và giữ giá trị của Quỹ ở những thời điểm thị trường biến động.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

So với cuối năm 2024, tỷ trọng tài sản phân bổ vào Cổ phiếu của Quỹ tại thời điểm cuối năm 2025 giảm và đạt mức khoảng 68,3% tổng giá trị tài sản Quỹ.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Không có khác biệt so với phần thuyết minh tại mục b của phần III này, vì trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu: Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo năm 2025, tăng trưởng toàn cầu duy trì quanh 3,3%, với Mỹ khoảng 2,1% và Trung Quốc gần 5,0%, trong khi lạm phát thế giới giảm dần về 4,1% nhờ chính sách tiền tệ bớt thắt chặt. Môi trường quốc tế vẫn phân hóa bởi bảo hộ thương mại và bất định chính sách, song PMI sản xuất và dịch vụ toàn cầu cải thiện dần trong nửa cuối năm 2025. Các kênh dòng vốn có dấu hiệu quay lại các thị trường mới nổi khi kỳ vọng cắt giảm lãi suất ở các nền kinh tế lớn gia tăng. Điều này tạo nền cho thương mại và FDI phục hồi trong khu vực châu Á.

Lạm phát: Lạm phát toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm trong năm 2025. Theo IMF, lạm phát trung bình toàn cầu khoảng 4,1% trong năm 2025. Tại Mỹ, lạm phát tiếp tục xu hướng giảm, xuống 2,7% tháng 12 năm 2025 so với mức 2,9% tháng 12 năm 2024. Khu vực châu Âu ghi nhận mức lạm phát giảm xuống 2,1% trong năm 2025, so với mức 2,4% năm 2024. Lạm phát tại Trung Quốc duy trì mức thấp, khoảng 0,8% tháng 12 năm 2025 so với mức 0,2% tháng 12 năm 2024.

Kinh tế Việt Nam: Năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực, đạt 8,02%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, ngành xây dựng tăng 9,62% và trở thành động lực tăng trưởng chính. Bên cạnh đó, ngành dịch vụ, tiêu dùng và du lịch cũng đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế với mức tăng 8,62%. Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực, khoảng 17% trong năm 2025, đóng góp phần lớn vào tăng trưởng kinh tế. Vốn đầu tư nước ngoài (FDI) thực hiện vào Việt Nam tiếp tục tăng trưởng khoảng 9% trong năm 2025. Lạm phát được kiểm soát tốt ở mức bình quân 3,3% so với cùng kỳ trong năm 2025. Mặc dù Đồng Việt Nam giảm áp lực mất giá trong tháng 12 năm 2025, nhưng vẫn giảm khoảng 3,1% so với đầu năm.

Cập nhật thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2025

Lãi suất trái phiếu Chính phủ Việt Nam tiếp tục xu hướng tăng trong quý 4 năm 2025. Thanh khoản trái phiếu Chính phủ trên thị trường sơ cấp và thứ cấp cải thiện so với năm 2024. Tổng khối lượng phát hành mới trái phiếu Chính phủ đạt 371 nghìn tỷ đồng, tăng 12,4% so với năm 2024. Lãi suất phát hành thị trường sơ cấp trái phiếu Chính phủ tiếp tục xu hướng tăng cho phần lớn các kì hạn. Tương đồng với

xu hướng thị trường sơ cấp, lãi suất và thanh khoản trên thị trường thứ cấp trái phiếu Chính phủ cũng tăng. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp cũng phục hồi tích cực. Giá trị phát hành mới trái phiếu doanh nghiệp đạt 535 nghìn tỷ đồng, tăng 23% so với năm trước. Trong đó, phần lớn trái phiếu phát hành mới vẫn từ ngành ngân hàng, chiếm 67% tổng giá trị phát hành. Lãi suất phát hành thị trường sơ cấp trái phiếu doanh nghiệp có xu hướng tăng nhẹ vào cuối năm. Hoạt động kinh tế tăng trưởng tích cực trong khi lạm phát vẫn được kiểm soát. Những yếu tố này tiếp tục hỗ trợ thị trường trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp.

Cập nhật thị trường cổ phiếu năm 2025

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn bùng nổ của thị trường chứng khoán Việt Nam, khi VN-Index tăng 40,9% và đóng cửa tại 1.784,5 điểm - mức cao nhất trong lịch sử và cũng là mức tăng điểm tuyệt đối lớn nhất từ trước tới nay, với hơn 517 điểm tăng thêm trong năm - bất chấp các rủi ro về chính sách thuế quan từ Mỹ cũng như căng thẳng địa chính trị trên toàn cầu. Diễn biến tích cực này được hỗ trợ bởi nền tảng vĩ mô vững chắc và kết quả kinh doanh cải thiện trên nhiều ngành. Nền kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng (+8,02%), lạm phát được kiểm soát tốt, trong khi chính sách tiền tệ – tài khóa được điều hành linh hoạt và phối hợp chặt chẽ. Lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng mạnh, tạo bệ phóng vững chắc cho mặt bằng định giá thị trường.

Một loạt cải cách mang tính cấu trúc từ việc ban hành các chính sách pháp lý mới, triển khai hệ thống giao dịch KRX, làn sóng IPO quy mô lớn, cho đến thông báo nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp của FTSE Russell đã góp phần nâng cao chất lượng thị trường, mở rộng cơ hội thu hút dòng vốn và cải thiện niềm tin của nhà đầu tư. Tuy nhiên, một điểm đáng chú ý là mức độ tập trung cao trong tăng trưởng của thị trường, khi nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC, VHM, VRE, VPL) đóng góp tới gần 70% mức tăng của VN-Index. Điều này cho thấy đà tăng năm 2025 chưa thật sự lan tỏa mà phụ thuộc đáng kể vào một nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.

Thanh khoản tiếp tục là điểm sáng khi giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường đạt hơn 1,11 tỷ USD mỗi phiên, tăng 40% so với năm trước. Dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân vẫn đóng vai trò chủ đạo, chiếm hơn 80% tổng giao dịch trong năm 2025, cho thấy sự tham gia mạnh mẽ của nhóm nhà đầu tư nội trong bối cảnh mặt bằng lãi suất thấp, tín dụng gia tăng và tâm lý thị trường tích cực.

Trái ngược với sự sôi động của nhà đầu tư trong nước, khối ngoại ghi nhận một năm bán ròng mạnh với tổng giá trị hơn 5,1 tỷ USD, tiếp nối xu hướng rút vốn từ năm 2024 do áp lực tỷ giá và xu hướng chung của toàn cầu rút khỏi các thị trường đang phát triển. Tuy nhiên, điểm sáng xuất hiện vào cuối năm khi tháng 12/2025 khối ngoại quay lại mua ròng 64,3 triệu USD, chấm dứt chuỗi bốn tháng liên tiếp bán ròng và phần nào cải thiện tâm lý thị trường.

Xét theo ngành, bức tranh thị trường cho thấy sự phân hóa rõ rệt. Bất động sản là nhóm tăng mạnh nhất năm với mức tăng 230,1%, vượt xa các nhóm khác nhờ sự cải thiện môi trường pháp lý dự án, hoạt động bán hàng hồi phục nhờ hỗ trợ tín dụng và đặc biệt là sự dẫn dắt mạnh mẽ từ nhóm cổ phiếu Vingroup với kỳ vọng từ chính sách thúc đẩy kinh tế tư nhân. Hàng hóa công nghiệp và Dịch vụ Tài chính cũng tăng lần lượt 54,2% và 28,8% nhờ kết quả kinh doanh cải thiện và hưởng lợi từ chính sách kinh tế hỗ trợ tăng trưởng như chính sách tiền tệ và tài khóa mở rộng. Ngược lại, Công nghệ và Viễn thông là hai nhóm giảm mạnh nhất, lần lượt giảm 25,1% và 15,8%, chịu ảnh hưởng từ xu hướng giảm chung của nhóm ngành công nghệ trên toàn cầu khi các lo ngại về AI tạo ra mức độ cạnh tranh lớn hơn.

Tổng thể, năm 2025 là một năm bứt phá lịch sử của thị trường chứng khoán Việt Nam, được hỗ trợ bởi dòng tiền nội dồi dào, nền tảng kinh tế tăng trưởng vững chắc, lãi suất thấp, kỳ vọng nâng hạng và tăng trưởng áp đảo của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đặc biệt là nhóm cổ phiếu Vingroup.

Ghi chú: Các số liệu nêu tại mục này được tổng hợp từ các nguồn sau đây: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bloomberg và Fiinpro. Do số liệu này được tổng hợp từ bên thứ ba, mặc dù chúng tôi thận trọng xem xét, thẩm định, đánh giá, chúng tôi không chịu trách nhiệm về những nội dung hay sai sót của những số liệu nêu trên.

- i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có
- k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có
- l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 31/12/2025, tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan là 88,94%.
- m) Các thông tin khác (nếu có).

IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.
- b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành .
- c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch ;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.



V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền:

Dịch vụ Quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và Dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, chi tiết chi phí dịch vụ ủy quyền như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Chi phí hoạt động (VNĐ)	%/Chi phí hoạt động
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.4	303.600.000	5,56%
3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5	132.000.000	2,42%

Theo ghi nhận của Công ty Quản lý Quỹ, bên nhận ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, nhân sự ... bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện một cách thông suốt và tách bạch khỏi những phòng ban khác của bên nhận ủy quyền, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ



Nguyễn Quốc Dũng